

Chi tiết mã HS 8430.61.00

Mã HS	8430.61.00
Mô tả hàng hóa	Các máy ủi xúc dọn, cào, san, gạt, đào, đầm, nén, bóc tách hoặc khoan khác dùng trong công việc về đất, khoáng hoặc quặng; máy đóng cọc và nhổ cọc; máy xới tuyết và dọn tuyết / - Máy khác, loại không tự hành: / - - Máy đầm hoặc máy nén
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	30/10/2026 16:40:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84306100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13681
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13681
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13681
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12983
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12924
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12924
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12924
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12924
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12924
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12924
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12978
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12978

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12978
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12978
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12978
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12978
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12979
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12979
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12979
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12979
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12979
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12979
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12982
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12930
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12938
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12938
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12938
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12938
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12938
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12938
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12969
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12969
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12969
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12969
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12969
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12969
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13018
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13018

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13018
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13018
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13018
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13018
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13001
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13001
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13001
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13001
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13001
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13001
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13001
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13001
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13001
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13001
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13001
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13001
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13016
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13016
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13016
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13016
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13016
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13016
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13015
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13015
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13015
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13015

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13015
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13015
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12995
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12995
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12995
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12995
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12995
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12995
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12995
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13003
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13003
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13003
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13003
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13003
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13003
RCEP B	2022	2022	0	B!D13003
RCEP B	2023	2023	0	B!E13003
RCEP B	2024	2024	0	B!F13003
RCEP B	2025	2025	0	B!G13003
RCEP B	2026	2026	0	B!H13003
RCEP B	2027	2027	0	B!I13003
RCEP C	2022	2022	0	C!D13003
RCEP C	2023	2023	0	C!E13003
RCEP C	2024	2024	0	C!F13003
RCEP C	2025	2025	0	C!G13003
RCEP C	2026	2026	0	C!H13003

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13003
RCEP D	2022	2022	0	D!D13002
RCEP D	2023	2023	0	D!E13002
RCEP D	2024	2024	0	D!F13002
RCEP D	2025	2025	0	D!G13002
RCEP D	2026	2026	0	D!H13002
RCEP D	2027	2027	0	D!I13002
RCEP E	2022	2022	0	E!D13006
RCEP E	2023	2023	0	E!E13006
RCEP E	2024	2024	0	E!F13006
RCEP E	2025	2025	0	E!G13006
RCEP E	2026	2026	0	E!H13006
RCEP E	2027	2027	0	E!I13006
RCEP F	2022	2022	0	F!D13003
RCEP F	2023	2023	0	F!E13003
RCEP F	2024	2024	0	F!F13003
RCEP F	2025	2025	0	F!G13003
RCEP F	2026	2026	0	F!H13003
RCEP F	2027	2027	0	F!I13003
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12059
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12059
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12059
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12059

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8430.61.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8430.61.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13681), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.